ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3796 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Tân Lập 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2010/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cầu Tân Lập 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; số 2487/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 về việc sửa đổi một số nội dung điểm a khoản 1 Điều 2 của các Quyết định chủ trương đầu tư 26 dự án cầu dân sinh để kết nối các khu vực dân cư thường xuyên bị chia cắt khi có thiên tai, mưa lũ trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Thanh Hóa; số 123/2026/QĐ-UBND ngày 27/10/2026 ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 26/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao cơ quan chủ trì thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 429/TTr-SXD ngày 06/11/2026 về việc phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Tân Lập 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo Văn bản số 14067/SXD-HĐXD ngày 06/11/2026 thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng cầu Tân Lập 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng cầu Tân Lập 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm C; công trình giao thông, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: 100 năm (theo Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017).

3. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: Xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế:

+ Hướng tuyến: Tuyến đi theo đường tỉnh Yên Cát - Bình Lương - Tân Bình - Xuân Khang (ĐT.520C).

+ Điểm đầu: Km0+00, trùng với Km7+800/ĐT.520C, thuộc địa phận thôn Mai Thắng, xã Như Xuân.

+ Điểm cuối: Km0+372, trùng với Km8+172/ĐT.520C, thuộc địa phận thôn Mai Thắng, xã Như Xuân.

+ Một số điểm khống chế: Cao độ hiện trạng tại điểm đầu, điểm cuối tuyến và cao độ vị trí cầu theo tần suất thủy văn tính toán P=4%.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: Khoảng 0,55ha.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh

Hóa; địa chỉ: Số 46 đường Bùi Khắc Nhất, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa; mã số doanh nghiệp: 2800947643.

7. Mục tiêu dự án: Giải quyết tình trạng ngập lụt và gián đoạn giao thông cục bộ tại vị trí tràn trên tuyến đường tỉnh Yên Cát - Bình Lương - Tân Bình - Xuân Khang (ĐT.520C) khi có mưa, lũ xảy ra; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch được phê duyệt nhằm nâng cao năng lực vận tải, lưu thông hàng hóa; tạo động lực thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa nói chung và xã Như Xuân nói riêng.

8. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ đầu tư trình tại Văn bản số 5271/BQLDA-KTTĐ ngày 25/10/2026, đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 14067/SXD-HĐXD ngày 06/11/2026; Chủ đầu tư chủ động cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

9. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới cầu Tân Lập 3 và cải tạo, mở rộng đường hai đầu cầu với tổng chiều dài tuyến khoảng 372m; cụ thể:

- Phần cầu: Xây dựng mới cầu Tân Lập 3 bằng BTCT, BTCT dự ứng lực theo TCVN 11823:2017, tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3x10^{-3}$MPa; tần suất thiết kế P=4%; chiều rộng cầu B_c=(0,5+6,0+0,5)m=7,0m.

- Phần đường hai đầu cầu: Cải tạo, mở rộng theo quy mô đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005); quy mô nền, mặt đường phù hợp với chiều rộng cầu và đường hiện trạng; mặt đường láng nhựa, móng đá 4x6 chèn đá dăm.

10. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

10.1. Phần cầu:

Xây dựng mới cầu Tân Lập 3 qua suối Cầu Chìm, sơ đồ 01 nhịp 1x21m, chiều dài cầu tính đến đuôi mố L=31,1m. Cầu nằm trên đường thẳng, chéo góc 65° so với dòng chảy; độ dốc dọc cầu i_d=0%, dốc ngang mặt cầu hai mái i_n=2%; tần suất tính toán thủy văn P=4%; cầu không thông thuyền, không có cây trôi.

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm bản BTCT DƯL 40MPa kéo trước, chiều dài L=21m, chiều cao dầm H=0,8m; mặt cắt ngang gồm 07 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm a=1,0m; bản mặt cầu bằng BTCT 30MPa, chiều dày tối thiểu H_{min}=19cm; gờ lan can bằng BTCT 25MPa, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm; khe co giãn răng lược bằng thép dạng sóng bố trí tại hai mố; gối cầu bằng cao su bản thép kích thước (250x350x35)mm; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC D150mm và

ống gang D162mm, nắp chắn rác bằng gang đúc.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: Hai mố M1, M2 dạng chữ U bằng BTCT 30MPa; mỗi mố đặt trên 04 cọc khoan nhồi BTCT đường kính D=1,0m, chiều dài cọc dự kiến (từ đáy bệ đến mũi cọc) 13m đối với mố M1 và 12m đối với mố M2; mũi cọc đặt vào lớp địa chất số 5 (đá phiến sét, sét kết màu xám xanh, xám trắng, phong hóa nhẹ, rắn chắc).

+ Bản quá độ: Bằng BTCT 25MPa dày 40cm trên lớp bê tông đệm 8MPa, chiều dài L=5,0m, độ dốc 10%.

+ Đường sau mố, chân khay, tứ nón: Kết cấu nền, mặt đường như đường hai đầu cầu; tứ nón và mái taluy đường sau mố gia cố bằng BTXM M200 dày 15cm trên lớp vữa đệm XM M100 dày 2cm; chân khay bằng BTXM M150 trên lớp đệm BTXM M100 dày 10cm; bậc lên xuống bằng BTXM M200.

10.2. Phần đường hai đầu cầu:

(1) Bình đồ:

Tuyến cơ bản đi theo ĐT.520C (đoạn Km7+800 - Km8+172), tuân thủ phương án tuyến bước chủ trương đầu tư dự án được UBND tỉnh quyết định tại Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 và Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 30/5/2026; toàn tuyến có 05 đỉnh đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất R_{min}=60m.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 372m, bao gồm phần cầu dài L=31,1m và phần đường hai đầu cầu dài L=340,9m.

(2) Cắt dọc: Cao độ đường đỏ thiết kế phù hợp với cao độ khống chế tại cầu và đường hai đầu cầu hiện trạng. Độ dốc dọc lớn nhất i_{max}=3,12%.

(3) Cắt ngang: Cải tạo, mở rộng nền, mặt đường bảo đảm chiều rộng nền đường B_n=7,0m, mặt đường B_m=6,0m; thiết kế vuốt nối phù hợp với chiều rộng cầu và đường hiện trạng. Độ dốc ngang mặt đường hai mái i_m=3%, lề đất i_l=4%.

(4) Nền đường: Đắp bằng đất đồi và đất tận dụng (từ đào khuôn, thanh thải đắp mặt bằng cầu) đạt độ chặt K≥0,95, lớp đất sát đáy áo đường dày 50cm đạt độ chặt K≥0,98; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5.

(5) Kết cấu áo đường: Mặt đường láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m²; móng trên bằng đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm, móng dưới bằng đá 4x6 dày 24cm đối với phần đường làm mới và mở rộng; phần trên mặt đường cũ được bù vênh bằng đá 4x6 chèn đá dăm.

(6) Đường ngang dân sinh: Có 02 vị trí, thiết kế vuốt nối với bán kính R≥5m, độ dốc dọc i≤4%, chiều dài vuốt nối dưới 50m; chiều rộng lớn hơn hoặc bằng hiện

hữu tùy thuộc điều kiện mặt bằng; kết cấu áo đường đoạn vuốt nối bằng BTXM 30MPa dày 20cm, móng bằng đá 4x6 chèn đá dăm hoặc BTXM tùy theo mặt đường hiện trạng.

(7) Công trình thoát nước:

a) Thoát nước dọc: Bằng chảy tỏa kết hợp rãnh thoát nước dọc. Rãnh dọc sử dụng rãnh đất hở tiết diện hình thang, kích thước (0,4+1,2)x0,4m; tại các vị trí qua ngõ vào nhà dân sử dụng rãnh chịu lực tiết diện hình vuông, kích thước lòng rãnh (0,5x0,5)m, đáy và thành rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm, móng bằng BTXM M100 dày 10cm, tấm đan bằng BTCT M300.

b) Thoát nước ngang: Nối dài 01 cống bản khẩu độ 1,0m; thân cống bằng BTXM M200; tường cánh, sân, móng cống bằng BTXM M150 đặt trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm; mũ cống bằng BTCT M300.

(8) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10.3. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường:

Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa có trách nhiệm chỉ đạo nhà thầu thực hiện đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thi công theo quy định hiện hành.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).

11. Tổng mức đầu tư xây dựng phê duyệt: **16.758.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu đồng).**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ, tái định cư:	4.000.000.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	10.441.325.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	382.001.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.045.265.000	đồng.
- Chi phí khác:	91.492.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	797.917.000	đồng.

(Chi tiết có Phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Đảm bảo đủ phần đất để xây dựng và bảo vệ, bảo trì đường bộ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND xã Như Xuân là chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện bảo đảm theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 14067/SXD-HĐXD ngày 06/11/2026 và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thẩm định.

- Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán…) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án trình phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Như Xuân; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CNXD (C).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU TÂN LẬP 3, XÃ NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	GIÁ TRỊ
I	**CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**	Khái toán	**4.000.000.000**
II	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	(1+2)	**10.441.325.000**
1	Chi phí xây dựng công trình		10.292.987.000
-	Cầu Tân Lập 3	Dự toán chi tiết	7.100.674.000
-	Đường hai đầu cầu	Dự toán chi tiết	3.192.313.000
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	Dự toán chi tiết	148.338.000
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	9.357.260.662 x 1,35 x 3,024%	**382.001.000**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	(1+...+7)	**1.045.265.000**
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo KTKT, lập hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB và MLG		
-	Khảo sát bước lập Báo cáo KTKT	Theo Quyết định số 862/QĐ-BQLDA ngày 27/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	255.534.000
-	Lập Báo cáo KTKT, lập hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB và MLG	9.357.260.662 x 1,08 x 2,971%	300.197.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	Theo Quyết định số 714/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	6.659.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	Theo Quyết định số 714/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2026 của Ban QLDA ĐTCT giao thông	9.039.000
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	10.441.325.000 x 0,400%	41.765.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp	10.441.325.000 x 0,200%	20.883.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (phần cầu + đường)	9.357.260.662 x 1,1 x 1,2 x 3,203%	395.621.000
7	Chi phí cắm cọc GPMB		
-	Thi công cắm cọc GPMB	Dự toán chi tiết	15.119.000
-	Giám sát thi công cắm cọc GPMB	Dự toán chi tiết	448.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	GIÁ TRỊ
V	**CHI PHÍ KHÁC**	(1+2+3)	**91.492.000**
1	Phí thẩm định Báo cáo KTKT	16.758.000.000 x 0,5 x 0,019%	1.592.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
-	Phần các chi phí còn lại (không bao gồm GPMB)	12.758.000.000 x 0,372%	47.460.000
-	Phần GPMB	4.000.000.000 x 0,5 x 0,372%	7.440.000
3	Chi phí thuê mặt bằng bãi thi công	Tạm tính 5.000.000 đồng/tháng x 07 tháng	35.000.000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**		**797.917.000**
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh (bao gồm cả GPMB)	15.960.083.000 x 5,00%	797.917.000
	TỔNG CỘNG	**(I+II+III+IV+V+VI)**	**16.758.000.000**